TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày 25 tháng 01 năm 2018
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
và chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thúy Liên

Ông Võ Công Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định: Bà Võ Thị Lệ Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 91/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 24/2017/QĐ-PT ngày 06/11/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu N; cư trú tại: Thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Bình A; cư trú tại: Thôn P, xã Â, huyện H, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Anh Nguyễn Bình A: Ông Văn Phú L là Luật sư của Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên hãng luật T, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Bình A là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/9/2012, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thu N trình bày:

Chị và Anh Nguyễn Bình A tự nguyện tìm hiểu, sau đó đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Â (nay là Â T) ngày 07 tháng 7 năm 1994. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 12/2009 phát sinh mâu thuẫn do anh A ngoại tình với người phụ nữ khác, chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh A không nghe còn đánh đập, đối xử không tốt với chị đến tháng 04/2012 vợ chồng chị sống ly thân. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn anh A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Huỳnh D, sinh ngày 24/02/1996 và cháu Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh ngày 10/5/2000, sức khỏe bình thường, hiện nay cháu D đã trưởng thành, cháu L đang ở với chị. Ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu L, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung là thửa đất số 34 tờ bản đồ số 07 diện tích 280 m² tại Thôn P, xã Â, huyện H. Chị thống nhất giá trị nhà đất theo giá Hội đồng định giá đã xác định là 253.915.695 đồng, thống nhất chia đôi giá trị, chị xin được nhận nhà đất và thanh toán cho anh A ½ giá trị tài sản.

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn Anh Nguyễn Bình A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn nay chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh thống nhất như lời trình bày và yêu cầu của chị N.

Về tài sản chung: Anh thống nhất như lời trình bày của chị N về tài sản chung của vợ chồng, giá trị nhà đất và việc phân chia. Anh xin nhận nhà đất và thanh toán cho chị N ½ giá trị tài sản.

Vợ chồng không nợ chung ai, không ai nợ chung vợ chồng.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 91/2017/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H quyết định:

Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Huỳnh Thị Thu N và Anh Nguyễn Bình A.

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa Chị Huỳnh Thị Thu N và Anh Nguyễn Bình A giao cháu Nguyễn Thị Huỳnh L, sinh ngày 10/5/2000 tiếp tục nuôi dưỡng.

Về chia tài sản chung:

Xác định ngôi nhà xây dựng trên thửa đất số 34 diện tích 280 m² tờ bản đồ số 7 tại Thôn P, xã Â, huyện H, có tổng giá trị 253.915.695 đồng là tài sản chung hợp nhất của chị N và anh A.

Chị Huỳnh Thị Thu N được quyền sở hữu 01 nhà cấp 4 và sử dụng thửa đất số 34 diện tích 280 m² tờ bản đồ số 7 tại Thôn P, xã Â, huyện H. Chị N có nghĩa vụ thanh toán cho Anh Nguyễn Bình A ½ giá trị nhà đất 126.957.874 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí định giá tài sản và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2017, bị đơn anh Nguyễn Bình A kháng cáo yêu cầu chia đôi nhà đất để ở, vì hiện nay anh không có chỗ ở nào khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh A sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Nguyễn Bình A kháng cáo yêu cầu chia đôi nhà đất để ở, vì hiện nay anh không có chỗ ở nào khác, nhưng chị N không chấp nhận. Thấy rằng:

[1.1] Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sơ đồ xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/3/2013 và lời khai của anh A, chị N tại phiên tòa phúc thẩm thì nhà được xây dựng trên thửa đất có diện tích 261,447 m², có chiều dài mặt đường 19,1 m, chiều rộng hơn 12 m; như vậy việc chia nhà đất này vẫn đảm bảo quyết định số 40/2014/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định về chia đất và đảm bảo giá trị sử dụng nhà, đất.

[1.2] Mặc khác, hiện nay chị N ở Thành phố Hồ Chí Minh, còn anh A đang sinh sống tại nhà này không có chỗ ở nào khác.

[1.3] Hơn nữa, theo chị N khai nhà, đất đã được quy hoạch hành lang an toàn giao thông còn lại 70,80 m² nên không thể chia nhà, đất theo hiện vật. Tuy đã được quy hoạch hành lang an toàn giao thông nhưng nhà, đất đã xây dựng ở ổn định từ năm 2009 cho đến nay, không có quyết định buộc tháo dỡ, thực tế vẫn sử dụng và quy hoạch hành lang an toàn giao thông chỉ hạn chế quyền sử dụng đất chứ không mất quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất công nhận quyền sử dụng đất của anh A, chị N có diện tích 280 m² đo thực tế còn lại là 261,447 m².

[1.4] Do đó, chấp nhận kháng cáo của anh A sửa bản án sơ thẩm:

Giao cho chị N được sử dụng diện tích 132,3 m² (66.150.000 đồng) và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (74.761.795 đồng), tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Thôn P, xã Â, huyện H; có tứ cận: Đông giáp Trường học, Tây giáp phần đất chia cho anh A, Bắc giáp Trường Học, Nam giáp đường ĐT 630.

Giao cho anh A được sử dụng diện tích 129,147 m² (64.573.500 đồng) và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (39.156.900 đồng), tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Thôn P, xã Â, huyện H; có tứ cận: Đông giáp phần đất chia cho chị N, Tây giáp phần đất bà Thời Thị T, Bắc giáp Trường học, Nam giáp đường ĐT 630.

[1.5] Lẽ ra, chị N phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh A giá trị chênh lệch tài sản được nhận là 18.590.698 đồng {(140.911.795 đồng - 103.730.400 đồng) : 2}, nhưng anh A không yêu cầu nên Tòa ghi nhận sự tự định đoạt của anh A.

[2] Theo quy định tại khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì anh A phải chịu 5.186.520 đồng (103.730.400 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản, chị N phải chịu 7.045.590 đồng (140.911.795 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

[3] Do kháng cáo của anh A được chấp nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 thì anh A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh A đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh A là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận kháng cáo của anh A sửa bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Các quyết định của bản án sơ thẩm về ly hôn, về nuôi con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và chi phí định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Các Điều 59, 62 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12; khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14. Tuyên xử:

Chấp nhận kháng cáo của Anh Nguyễn Bình A sửa bản án sơ thẩm.

1. Về chia tài sản chung:

1.1. Chị Huỳnh Thị Thu N được quyền sử dụng 132,3 m² đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Thôn P, xã Â, huyện H; có tứ cận: Đông giáp Trường học, Tây giáp phần đất chia cho anh A, Bắc giáp Trường Học, Nam giáp đường ĐT 630 (Có sơ đồ kèm theo).

1.2. Anh Nguyễn Bình A được quyền sử dụng 129,147 m² đất và và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, tại thửa đất số 34, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại Thôn P, xã Â, huyện H; có

tứ cận: Đông giáp phần đất chia cho chị N, Tây giáp phần đất bà Thời Thị T, Bắc giáp Trường học, Nam giáp đường ĐT 630 (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về án phí:

2.1. Anh Nguyễn Bình A phải chịu 5.186.520 (Năm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản được khấu trừ 6.250.000 đồng tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 00401 ngày 07 tháng 7 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, anh A còn nhận lại 1.063.480 đồng (Một triệu không trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm tám mươi đồng).

2.2. Chị Huỳnh Thị Thu N phải chịu 7.045.590 đồng (Bảy triệu không trăm bốn mươi năm nghìn năm trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản.

2.3. Hoàn lại cho Anh Nguyễn Bình A 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0003471 ngày 22 tháng 8 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

3. Các quyết định của bản án sơ thẩm về ly hôn, về nuôi con chung, án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và chi phí định giá tài sản không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

.

Lê Văn Thường